

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN  
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **524** /VPUB-KSTT

Điện Biên, ngày **02** tháng 10 năm 2019

V/v xin ý kiến đối với dự thảo Quyết định ban hành quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 về việc ban hành Danh mục Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và chấp thuận sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ Quyết định trong Quý III, Quý IV năm 2019; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã xây dựng dự thảo Quyết định ban hành quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Để đảm bảo trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật và tiếp tục hoàn thiện dự thảo, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh gửi và xin ý kiến của Quý cơ quan tham gia vào dự thảo Quyết định Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Điện Biên (có dự thảo dự thảo Quyết định gửi kèm).

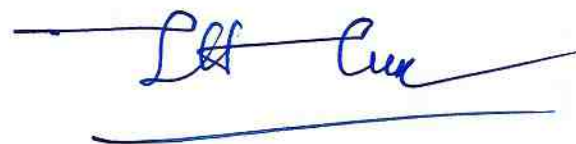
Văn bản tham gia ý kiến của Quý cơ quan đề nghị gửi về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày **15** tháng **10** năm **2019** để nghiên cứu, tổng hợp, tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trân trọng cảm ơn sự quan tâm, phối hợp của Quý cơ quan./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo VPUBND;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Các phòng, đơn vị thuộc VPUBND tỉnh (HSCV);
- Lưu VT, KSTT.

CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Quang Hưng

Số: /2019/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày tháng năm 2019

**(Dự thảo)**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý  
trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2019.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- TT Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Báo Điện Biên Phủ;
- Công báo tỉnh; Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT, CV các khối.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Mùa A Sơn**

## QUY ĐỊNH

**Chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Điện Biên**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2019/QĐ-UBND ngày / /2019  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên.
2. Quyết định này không điều chỉnh chế độ báo cáo định kỳ tại các văn bản do cơ quan Trung ương quy định, báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề và báo cáo khác của cơ quan hành chính nhà nước không quy định tại Khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn
2. Các tổ chức, cá nhân liên quan đến thực hiện chế độ báo cáo.

### Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

#### Điều 3. Nguyên tắc báo cáo

1. Báo cáo phải kịp thời, chính xác, đầy đủ và khách quan.
2. Việc báo cáo phải theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại Quy định này.
3. Người ký báo cáo phải đảm bảo theo đúng thẩm quyền, phù hợp với từng loại báo cáo và chức năng, nhiệm vụ của cơ quan báo cáo.

#### Điều 4. Nội dung yêu cầu báo cáo

1. Nội dung yêu cầu báo cáo phải bảo đảm sự cần thiết nhằm phục vụ mục tiêu quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền.
2. Nội dung báo cáo nêu rõ những vấn đề cần tập trung báo cáo, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất, kiến nghị (nếu có).

3. Tùy từng trường hợp cụ thể, nội dung báo cáo có thể chỉ có phần lời văn, chỉ có phần số liệu hoặc bao gồm cả phần lời văn và phần số liệu.

### **Điều 5. Thời gian chốt số liệu báo cáo**

1. Báo cáo định kỳ hằng tháng: Tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo.

2. Báo cáo định kỳ hằng quý: Tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo.

3. Báo cáo định kỳ 6 tháng: Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Thời gian chốt số liệu 6 tháng cuối năm được tính từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

4. Báo cáo định kỳ hằng năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

### **Điều 6. Hình thức báo cáo, phương thức gửi báo cáo**

1. Hình thức báo cáo:

a) Báo cáo bằng văn bản giấy, có chữ ký của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, đóng dấu theo quy định và gửi bản điện tử.

b) Báo cáo bằng văn bản điện tử, có sử dụng chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Phương thức gửi báo cáo:

a) Gửi qua phần mềm quản lý văn bản và điều hành;

b) Gửi qua hệ thống thư điện tử;

c) Gửi qua fax;

d) Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính;

đ) Gửi qua Hệ thống phần mềm thông tin báo cáo và các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 7. Thời hạn gửi báo cáo**

1. Thời hạn cơ quan, ban, ngành chủ trì gửi báo cáo định kỳ cho Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh) chậm nhất vào ngày 23 của tháng cuối kỳ báo cáo.

2. Thời hạn gửi các kỳ báo cáo vào các thời điểm sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi báo cáo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp chậm nhất vào ngày 17 của tháng cuối kỳ báo cáo.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện và các sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị ngành dọc của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh gửi báo cáo cho cơ quan, ban, ngành chủ trì tổng hợp chậm nhất vào

ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo.

c) Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có liên quan gửi báo cáo cho cơ quan, ban, ngành chủ trì tổng hợp chậm nhất vào ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo.

d) Trường hợp thời hạn báo cáo định kỳ trùng vào ngày nghỉ hàng tuần hoặc ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì thời hạn nhận báo cáo định kỳ được tính vào ngày làm việc tiếp theo sau ngày nghỉ đó.

### **Điều 8. Trách nhiệm xử lý, tổng hợp thông tin báo cáo**

1. Báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho cơ quan, ban, ngành nào chủ trì thì cơ quan, ban, ngành đó có trách nhiệm xử lý thông tin và tổng hợp thành báo cáo chung của tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp báo cáo của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn huyện theo nội dung yêu cầu tại các biểu mẫu Đề cương báo cáo và Biểu mẫu số liệu báo cáo ban hành kèm theo Quy định này.

### **Điều 9. Danh mục báo cáo định kỳ**

1. Danh mục báo cáo định kỳ, đề cương báo cáo, biểu mẫu báo cáo, thực hiện theo Phụ lục I, Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

2. Công bố Danh mục báo cáo định kỳ

a) Danh mục báo cáo định kỳ được công bố trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Điện Biên. Nội dung công bố gồm: Tên báo cáo, đối tượng thực hiện báo cáo, cơ quan nhận báo cáo, tần suất thực hiện báo cáo, đề cương, biểu mẫu báo cáo và văn bản quy định chế độ báo cáo.

b) Danh mục báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh phải được cập nhật, công bố thường xuyên khi có sự thay đổi.

Các cơ quan, ban, ngành chủ động, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Danh mục báo cáo định kỳ đảm bảo phù hợp với yêu cầu phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước của tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

## **Chương III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 10. Kinh phí thực hiện**

1. Kinh phí thực hiện chế độ báo cáo của các ngành, địa phương được bố trí trong kinh phí chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Kinh phí thực hiện chế độ báo cáo của tổ chức, cá nhân do tổ chức, cá nhân đó tự bảo đảm.

## **Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp**

Các nội dung khác trong việc thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước không được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước,

## **Điều 12. Trách nhiệm thi hành**

1. Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan trong việc thực hiện chế độ báo cáo có trách nhiệm

a) Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, đúng quy trình, thời hạn của các chế độ báo cáo; các thông tin, số liệu báo cáo phải bảo đảm tính chính xác, khách quan, trung thực, phản ánh đúng thực tế.

b) Người ký báo cáo phải đúng thẩm quyền, phù hợp với từng loại báo cáo và chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân báo cáo; bố trí cán bộ, công chức, viên chức có năng lực, chuyên môn phù hợp để thực hiện công tác báo cáo.

c) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên rà soát chế độ báo cáo để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, đáp ứng các nguyên tắc và nội dung yêu cầu báo cáo của Quy định này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm

a) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện quy định này; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thường xuyên rà soát chế độ báo cáo để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, đáp ứng các nguyên tắc và nội dung yêu cầu báo cáo của Quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục báo cáo định kỳ trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định.

3. Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ theo Quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, kịp thời phản ánh về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Mùa A Sơn**

**Phụ lục I**

**DANH MỤC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2019/QĐ-UBND ngày / /2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)*

STT	Tên báo cáo	Nội dung yêu cầu báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Phương thức gửi, nhận báo cáo	Thời gian chốt số liệu báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo
1	Báo cáo tình hình kết quả thực hiện nhiệm vụ và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh	Theo đề cương, biểu mẫu số liệu báo cáo chi tiết tại Mẫu số 01a, 01b Phụ lục II của Quy định này	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, thị xã, thành phố; - UBND cấp xã (do UBND cấp huyện tổng hợp chung)	Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư; Văn phòng UBND tỉnh)	Theo quy định tại Điều 6 Quy định này	Theo quy định tại Điều 5 Quy định này	Theo quy định tại Điều 7 Quy định này	Tháng/quý/6 tháng/năm
2	Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ và giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia	Theo đề cương chi tiết tại Mẫu số 02 Phụ lục II của Quy định này	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, thị xã, thành phố;	Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư)	Theo quy định tại Điều 6 Quy định này	Theo quy định tại Điều 5 Quy định này	Theo quy định tại Điều 7 Quy định này	Quý/năm
3	Báo cáo tình hình kết quả thực hiện công tác dân tộc	Theo đề cương, biểu mẫu số liệu báo cáo chi tiết tại Mẫu số 03 Phụ lục II của Quy định này	Phòng Dân tộc thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố	Ban Dân tộc	Theo quy định tại Điều 6 Quy định này	Theo quy định tại Điều 5 Quy định này	Theo quy định tại Điều 7 Quy định này	Theo quy định tại Điều 6 Quy định này

STT	Tên báo cáo	Nội dung yêu cầu báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Phương thức gửi, nhận báo cáo	Thời gian chốt số liệu báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo
4	Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức viên chức	Theo đề cương, biểu mẫu số liệu báo cáo chi tiết tại Mẫu số 04 Phụ lục II của Quyết định này	Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nội vụ	Gửi trực tiếp Văn bản giấy qua dịch vụ bưu chính công ích, hệ thống phần mềm chuyên dụng, fax.	Theo quy định tại Điều 5 Quy định này	Theo quy định tại Điều 7 Quy định này	01 lần/năm
5	Báo cáo lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý thực hiện quy hoạch	Theo đề cương biểu mẫu số liệu báo cáo chi tiết tại Mẫu số 05 Phụ lục II của Quy định này	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	Gửi trực tiếp Văn bản giấy qua dịch vụ bưu chính công ích, hệ thống phần mềm chuyên dụng	Theo quy định tại Điều 5 Quy định này	Theo quy định tại Điều 7 Quy định này	Năm ước tính; Năm chính thức
6	Báo cáo tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình	Theo đề cương biểu mẫu số liệu báo cáo chi tiết tại Mẫu số 06 Phụ lục II của Quy định này	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	Gửi trực tiếp Văn bản giấy qua dịch vụ bưu chính công ích, hệ thống phần mềm chuyên dụng	Theo quy định tại Điều 5 Quy định này	Theo quy định tại Điều 7 Quy định này	Báo cáo năm
7	Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ	Theo đề cương, biểu mẫu số liệu báo cáo chi tiết tại Mẫu số 07 Phụ lục II của	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Giao thông vận tải	Gửi trực tiếp Văn bản giấy qua dịch vụ bưu chính công ích	Theo quy định tại Điều 5 Quy định này	Theo quy định tại Điều 7 Quy định này	Báo cáo Quý/ năm



STT	Tên báo cáo	Nội dung yêu cầu báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Phương thức gửi, nhận báo cáo	Thời gian chốt số liệu báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo
		Quy định này						
8	Báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành trên địa bàn tỉnh	Theo đề cương, biểu mẫu số liệu báo cáo chi tiết tại Mẫu số 08 Phụ lục II của Quy định này	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Tài chính; UBND tỉnh	Văn bản giấy	Theo quy định tại Điều 5 Quy định này	Theo quy định tại Điều 7 Quy định này	6 tháng/năm
9	Báo cáo về công tác phòng chống thiên tai	Theo đề cương báo cáo chi tiết tại Mẫu số 09 Phụ lục II của Quy định này	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; UBND tỉnh	Báo cáo giấy; Báo cáo điện tử	Theo quy định tại Điều 5 Quy định này	Theo quy định tại Điều 7 Quy định này	6 tháng/năm
10	Báo cáo về thực hiện chính sách hỗ trợ tiền vé xe cho người lao động của tỉnh Điện Biên đi sơ tuyển, đi làm việc có tổ chức tại các doanh nghiệp, khu công nghiệp ngoài tỉnh	Theo đề cương, biểu mẫu số liệu báo cáo chi tiết tại Mẫu số 10 Phụ lục II của Quy định này	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND tỉnh	Báo cáo giấy;	Theo quy định tại Điều 5 Quy định này	Theo quy định tại Điều 7 Quy định này	Báo cáo quý; Báo cáo 6 tháng; Báo cáo năm
11	Báo cáo Kết quả thực hiện công tác Lao động - Người có công và Xã hội	Theo đề cương báo cáo chi tiết tại Mẫu số 11 Phụ lục II của Quy định này	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND tỉnh	Báo cáo giấy;	Theo quy định tại Điều 5 Quy định này	Theo quy định tại Điều 7 Quy định này	Báo cáo 6 tháng; Báo cáo năm
12	Báo cáo kết quả	Theo đề cương,	Sở Lao động,	UBND tỉnh	Báo cáo giấy;	Theo quy định	Theo quy định	Báo cáo 3 tháng;

STT	Tên báo cáo	Nội dung yêu cầu báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Phương thức gửi, nhận báo cáo	Thời gian chốt số liệu báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo
	thực hiện Nghị quyết 30a	biểu mẫu số liệu báo cáo chi tiết tại Mẫu số 12 Phụ lục II của Quy định này	Thương binh và Xã hội			tại Điều 5 Quy định này	tại Điều 7 Quy định này	6 tháng; 9 tháng; năm
13.	Báo cáo kết quả triển khai Đề án “Phòng ngừa ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030) trên địa bàn tỉnh Điện Biên	Theo đề cương báo cáo chi tiết tại Mẫu số 13 Phụ lục II của Quy định này	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND tỉnh	Báo cáo giấy	Theo quy định tại Điều 5 Quy định này	Theo quy định tại Điều 7 Quy định này	Báo cáo năm
14	Báo cáo thực hiện Chương trình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em giai đoạn 2016 - 2020	Theo đề cương báo cáo chi tiết tại Mẫu số 14 Phụ lục II của Quy định này	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND tỉnh	Báo cáo giấy	Theo quy định tại Điều 5 Quy định này	Theo quy định tại Điều 7 Quy định này	Báo cáo năm
15	Báo cáo về kết quả phòng chống mại dâm.	Theo đề cương, báo cáo chi tiết tại Mẫu số 15 Phụ lục II của Quy định này	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND tỉnh	Báo cáo giấy;	Theo quy định tại Điều 5 Quy định này	Theo quy định tại Điều 7 Quy định này	Báo cáo 6 tháng, năm
16	Báo cáo về công tác tiếp nhận và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán	Theo đề cương báo cáo chi tiết tại Mẫu số 16 Phụ lục II của Quy định này	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND tỉnh	Báo cáo giấy;	Theo quy định tại Điều 5 Quy định này	Theo quy định tại Điều 7 Quy định này	Báo cáo 3 tháng; 6 tháng; 9 tháng; năm

STT	Tên báo cáo	Nội dung yêu cầu báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Phương thức gửi, nhận báo cáo	Thời gian chốt số liệu báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo
17	Báo cáo tình hình lao động sang Trung quốc làm thuê	Theo đề cương báo cáo chi tiết tại Mẫu số 17 Phụ lục II của Quy định này	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND tỉnh	Báo cáo giấy;	Theo quy định tại Điều 5 Quy định này	Theo quy định tại Điều 7 Quy định này	6 tháng, năm
18	Báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí số 8 Thông tin và Truyền thông thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	Theo đề cương, biểu mẫu số liệu báo cáo chi tiết tại Mẫu số 18 Phụ lục II của Quy định này	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Điện Biên	Qua đường Công văn và bản mềm qua địa chỉ email	Theo quy định tại Điều 5 Quy định này	Theo quy định tại Điều 7 Quy định này	Quý, 6 tháng, năm
19	Báo cáo định kỳ tình hình quản lý sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên	Theo đề cương tại Mẫu số 19 Phụ lục II của Quy định này	UBND cấp huyện gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp	UBND tỉnh	Trực tiếp hoặc theo đường công văn	Theo quy định tại Điều 5 Quy định này	Theo quy định tại Điều 7 Quy định này	Báo cáo năm
20	Báo cáo thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND giao	Theo đề cương biểu tại Mẫu số 20 Phụ lục II của Quy định này	- Các Sở, ban, ngành tỉnh; - UBND cấp huyện	UBND tỉnh (qua Văn phòng UBND tỉnh)	Trực tiếp hoặc theo đường công văn	Theo quy định tại Điều 5 Quy định này	Theo quy định tại Điều 7 Quy định này	- Báo cáo tháng; - Báo cáo quý; - Báo cáo 6 tháng; - Báo cáo năm.

**Phụ lục II**  
**MẪU ĐỀ CƯƠNG VÀ BIỂU MẪU BÁO CÁO**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2019/QĐ-UBND ngày tháng năm 2019  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

**Mẫu số 01**

**Đề cương Báo cáo tình hình kết quả thực hiện nhiệm vụ và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh tháng/quý/6 tháng/ năm**

Tên cơ quan, đơn vị

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-...

Điện Biên, ngày tháng năm 20....

**BÁO CÁO**

**Tình hình kết quả thực hiện nhiệm vụ và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh tháng/quý/6 tháng/ năm**

Căn cứ.....

**A. VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI**

**I. Về lĩnh vực kinh tế**

1. Về thu chi ngân sách
2. Về sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản
  - 2.1 Sản xuất nông nghiệp

a) Trồng trọt

b) Chăn nuôi

2.2 Sản xuất lâm nghiệp

2.3. Thủy sản

3. Về sản xuất công nghiệp

**II. Về Văn hóa - xã hội**

**III. An ninh chính trị, TTATXH**

**IV. Thực hiện vốn đầu tư phát triển**

1. Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương:
2. Nguồn vốn ngân sách trung ương

**V. Hoạt động thương mại - dịch vụ - vận tải - giá cả**

1. Thương mại dịch vụ

a. Tổng mức bán lẻ:

*b. Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống*

2. Giá cả

3. Hoạt động Vận tải

## **VI. Hoạt động tài chính ngân hàng**

### **B. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

1. Tình hình thiếu đói trong dân

2. Tình hình dịch bệnh và công tác phòng chống dịch

3. Tình hình tai nạn giao thông

4. Tình hình cháy, nổ

5. Vi phạm môi trường

6. Thiệt hại do thiên tai

### **C. NHỮNG KHÓ KHĂN VƯỚNG MẮC VÀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC**

### **D. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

***Nơi nhận:***

- Các cơ quan liên quan;
- Lưu:

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

## BIỂU TỔNG HỢP NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Báo cáo tình hình kết quả thực hiện nhiệm vụ và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh tháng/quý/6 tháng/năm)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn/Chương trình	Thực hiện kế hoạch.....			Giải ngân đến / /.....	Ước khả năng giải ngân đến hết / /.....	Tỷ lệ giải ngân (%)
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài			
1	2	3	4	5	6	7	8
<b>A</b>	<b>NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>						
<b>I</b>	<b>CÂN ĐỐI NSDP</b>						
	- Đầu tư phát triển trong cân đối NSDP (bao gồm cả vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, đầu tư hạ tầng từ đầu giá đất)						
	- Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết						
<b>II</b>	<b>CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>						
1	CT phát triển kinh tế - xã hội các vùng						
2	CT mục tiêu Hỗ trợ vốn đối ứng ODA cho các địa phương						
3	Chương trình tái cơ cấu nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định dân cư						
4	Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo						
5	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững						
<b>III</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA</b>						

1	Chương trình xây dựng nông thôn mới						
2	Chương trình giảm nghèo bền vững						
	- Chương trình 30a						
	- Thu hồi ứng						
	- Chương trình 135						
<b>IV</b>	<b>VỐN NƯỚC NGOÀI</b>						
<b>V</b>	<b>VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ</b>						
1	Ngành Giao thông						
2	Kiên cố hóa trường học, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên						

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU**

*(Kèm theo Báo cáo tình hình kết quả thực hiện nhiệm vụ và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh tháng/quý/6 tháng/năm)  
( triệu đồng)*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2019	Ước tính tháng /2019	Lũy kế thực hiện đến tháng đầu năm 2019	Lũy kế thực hiện so với dự toán năm (%)	Lũy kế tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước (%)
1	2	3	4	5	6	7	8
<b>I</b>	<b>Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn</b>	<b>Tỷ đồng</b>					
<b>II</b>	<b>Thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn (không bao gồm số bổ sung từ NSTW)</b>	<b>Tỷ đồng</b>					
	<i>Trong đó:</i>						
	- Thu thuế xuất, nhập khẩu	Tỷ đồng					
	- Thu nội địa	Tỷ đồng					
	<i>Trong đó:</i>						
	+ Thu từ kinh tế quốc doanh	Tỷ đồng					
	+ Thu ngoài quốc doanh	Tỷ đồng					
<b>III</b>	<b>Chi ngân sách địa phương</b>	<b>Tỷ đồng</b>					
1	Chi đầu tư phát triển do địa phương quản lý	Tỷ đồng					
2	Chi thường xuyên	Tỷ đồng					



<b>IV</b>	<b>Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn</b>	<b>Tỷ đồng</b>					
	- Trung ương quản lý	Tỷ đồng					
	- Địa phương quản lý	Tỷ đồng					
	- Vốn ngoài nhà nước và khu vực DNTN	Tỷ đồng					
	- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	Tỷ đồng					

## SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

*(Kèm theo Báo cáo tình hình kết quả thực hiện nhiệm vụ và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh tháng/quý/6 tháng/năm)*

STT	Danh mục	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Ghi chú
<b>1. Nông nghiệp</b>					
<b>a. Trồng trọt</b>					
	<b>Diện tích gieo trồng cây hàng năm (Ha)</b>				
	Lúa				
	<b>Các loại cây khác (Ha)</b>				
	Ngô				
	Khoai lang				
	Sắn				
	Đậu tương				
	Lạc				
	Dong giềng				
	Rau				
	Mía				
	Đậu				
	<b>Sản lượng thu hoạch các loại cây trồng (Tấn)</b>				
	<b>Lúa</b>				
	Lúa đông xuân				
	Lúa hè thu (Hoặc thu đông)				
	Lúa mùa				

	<b>Các loại cây khác</b>				
	Ngô				
	Đậu tương				
	Lạc				
	Khoai lang				
	Rau, đậu các loại				
<b>b. Chăn nuôi (Lũy kế tháng)</b>	<b>( Lũy kế tháng )</b>				
	Trâu (Con)				
	Bò (Con)				
	Lợn (Con)				
	Gia cầm (Nghìn con)				
<b>2. Lâm nghiệp (Lũy kế tháng)</b>	<b>( Lũy kế tháng )</b>				
	Sản lượng gỗ khai thác (m <sup>3</sup> )				
	Sản lượng củi khai thác (Ste)				
<b>3. Thủy sản ( Lũy kế tháng)</b>	<b>( Lũy kế tháng )</b>				
	Diện tích nuôi trồng (Ha)				
	Tổng sản lượng (Tấn)				
	Sản lượng nuôi trồng (Tấn)				
	Sản lượng khai thác (Tấn)				

### SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

(Kèm theo Báo cáo tình hình kết quả thực hiện nhiệm vụ và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh tháng/quý/6 tháng/năm)

STT	Sản phẩm	Đơn vị tính	Ước tính kỳ báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Ghi chú
1	Than đá (than cứng) loại khác	Tấn					
2	Đá xây dựng khác	M3					
3	Thức ăn cho gia cầm	Tấn					
4	Báo in (quy khổ 13cmx19cm)	Triệu Trang					
5	Sản phẩm in khác (quy khổ 13cmx19cm)	Triệu Trang					
6	Xi măng Portland đen	Tấn					
7	Giường bằng gỗ các loại	Chiếc					
8	Bàn bằng gỗ các loại	Chiếc					
9	Đồ nội thất bằng gỗ khác chưa được phân vào đâu	Chiếc					
10	Điện sản xuất	Triệu Kwh					
11	Điện thương phẩm	Triệu Kwh					
12	Dịch vụ thu gom rác thải không độc hại có thể tái chế	Triệu đồng					
13	Nước uống được	1000 M3					
14	Nước không uống được	1000 M3					

Mẫu số 02

**Đề cương Báo cáo tình hình kết quả thực hiện nhiệm vụ và giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia quý/năm**

Tên cơ quan, đơn vị **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-...

Điện Biên, ngày tháng năm 20..

## **BÁO CÁO**

**Tình hình kết quả thực hiện nhiệm vụ và giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia quý/năm**

Căn cứ.....

### **I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI**

### **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

#### **1. Nhiệm vụ: Khởi sự kinh doanh**

Điểm lại công việc đã thực hiện. Trong đó nêu rõ:

- Tên công việc
- Kết quả đạt được và tác động tích cực (nếu có)

#### **2. Nhiệm vụ: Cấp phép xây dựng**

- Tên công việc
- Kết quả đạt được và tác động tích cực (nếu có)

#### **3. Nhiệm vụ: Tiếp cận điện năng**

- Tên công việc
- Kết quả đạt được và tác động tích cực (nếu có)

#### **4. Nhiệm vụ: Đăng ký tài sản**

- Tên công việc
- Kết quả đạt được và tác động tích cực (nếu có)

#### **5. Nhiệm vụ: Giao dịch thương mại qua biên giới**

- Tên công việc
- Kết quả đạt được và tác động tích cực (nếu có)

#### **6. Nhiệm vụ: Nộp thuế và Bảo Hiểm xã hội**

- Nộp thuế:
- Bảo hiểm xã hội:

**7. Nhiệm vụ: Giải quyết tranh chấp hợp đồng**

**8. Nhiệm vụ: Giải quyết phá sản**

**9. Nhiệm vụ: Tiếp cận tín dụng**

**III. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC**

**1. Khó khăn**

**2. Giải pháp Khắc phục**

**IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

**V. PHỤ LỤC (nếu có)**

*Nơi nhận:*

- Các cơ quan liên quan;
- Lưu:

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 03

**Đề cương Báo cáo tình hình kết quả thực hiện công tác dân tộc**

UBNDHUYỆN.....  
**PHÒNG DÂN TỘC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-PDT

Điện Biên, ngày tháng năm 20..

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện công tác dân tộc tháng (quý)...**

**I. TÌNH HÌNH VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

Tổng hợp tình hình vùng dân tộc thiểu số và miền núi nổi bật trong tháng (quý) về: sản xuất, đời sống, giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội; những vấn đề nổi cộm về an ninh trật tự, thiên tai, dịch bệnh, di cư...(nếu có)

**II. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CÔNG TÁC DÂN TỘC**

**1. Chỉ đạo, điều hành công tác dân tộc của địa phương**

**2. Tình hình thực hiện các chương trình, đề án, dự án, chính sách**

- Công tác quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, tổng kết...
- Tình hình triển khai và kết quả thực hiện (vốn kế hoạch, vốn thực giao, vốn giải ngân, tỷ lệ giải ngân, một số kết quả chủ yếu...)
- Những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân trong quá trình thực hiện từng chính sách, chương trình, dự án.

**3. Thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của cơ quan công tác dân tộc.**

**4. Đánh giá chung**

- Đánh giá kết quả thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc
- Những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân.

**III. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC DÂN TỘC THÁNG (QUÝ) TIẾP THEO**

**1. Nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp thực hiện**

**2. Các kiến nghị, đề xuất.**

Nơi nhận

TRƯỞNG PHÒNG

Số: /BC-PDT

Điện Biên, ngày tháng năm 20..

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thực hiện công tác dân tộc 6 tháng đầu năm (năm...)**

#### **I. TÌNH HÌNH VÙNG DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI 6 THÁNG ĐẦU NĂM (NĂM...)**

**1. Về sản xuất, đời sống** ( đối với báo cáo năm: ước tính một số chỉ tiêu: Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo? Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo DTTS? Tỷ lệ hộ tái nghèo? Tình hình thiệt hại về người và tài sản do thiên tai? Tỷ lệ xã đạt tiêu chí nông thôn mới? Tỷ lệ xã có điện lưới quốc gia? Tỷ lệ xã đường ô tô đến trung tâm xã?...).

**2. Về văn hóa** ( đối với báo cáo năm: ước tính một số chỉ tiêu: Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa? Có nhà văn hóa đạt chuẩn quốc gia? Tỷ lệ thôn, bản có nhà sinh hoạt cộng đồng?...)

**3. Về giáo dục** ( đối với báo cáo năm: ước tính một số chỉ tiêu: Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia? Tỷ lệ các cháu mầm non đến lớp? Tổng số học sinh được cử tuyển?...)

**4. Về y tế** (đối với báo cáo năm: ước tính một số chỉ tiêu: Tỷ lệ xã có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia? Tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ? Tỷ lệ thôn, bản có cán bộ y tế? Tỷ lệ hộ DTTS sử dụng nước sạch? Tỷ lệ hộ DTTS sử dụng hố xí hợp vệ sinh?...)

#### **5. Về an ninh trật tự**

Báo cáo tình hình an ninh trật tự; tôn giáo; tà giáo; đạo lạ; di cư tự do; nạn phá rừng; buôn bán ma túy, phụ nữ, trẻ em; tội phạm khác...

#### **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN TỘC 6 THÁNG ĐẦU NĂM (NĂM...)**

##### **1. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện về công tác dân tộc**

- Công tác quán triệt, tổ chức, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, và Nhà nước về công tác dân tộc.
- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 05/2011/NĐ-CP của Chính phủ về Công tác dân tộc và Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020.
- Ban hành các Nghị quyết của Huyện ủy, HĐND huyện, Quyết định của UBND huyện về công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc.

##### **2. Kết quả hoạt động của cơ quan công tác dân tộc cấp huyện**

- Tổ chức bộ máy, nhân sự, thay đổi chức năng, nhiệm vụ; phân cấp quản lý chỉ đạo.



- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc: Theo dõi, tổng hợp tình hình vùng dân tộc; xây dựng và giao nhiệm vụ kế hoạch, huy động nguồn lực, phân bổ vốn, ban hành văn bản hướng dẫn; theo dõi, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra thực hiện công tác dân tộc và chính sách dân tộc; tổ chức thăm hỏi ngày lễ, tết; thực hiện các chính sách an sinh xã hội...

### **3. Kết quả thực hiện các chính sách dân tộc**

#### **3.1. Kết quả thực hiện các chương trình, đề án, dự án, chính sách**

- Tình hình triển khai, kết quả thực hiện từng chính sách, chương trình, dự án.

- Lập các **Biểu tổng hợp số 002/ĐP/..., 003/ĐP/..., 004/ĐP..., 005/ĐP..., 006/ĐP..., 007/ĐP**

#### **3.2. Kết quả thực hiện một số chương trình, đề án, dự án, chính sách do các Sở, ngành khác quản lý, chỉ đạo:**

- Tình hình triển khai, kết quả thực hiện một số chính sách, chương trình, dự án tác động trực tiếp đến DTTS, thực hiện tại vùng DTTS&MN (Chương trình MTQG xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, các chính sách về y tế, văn hóa, giáo dục, dạy nghề...)

- Lập các **Biểu tổng hợp số 012/ĐP.**

#### **3.3. Kết quả thực hiện các chính sách dân tộc đặc thù của địa phương:**

- Đề xuất nghiên cứu, xây dựng đề án, chính sách mới.

- Tình hình triển khai, kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án hiện hành.

### **4. Đánh giá chung**

Kết quả đạt được; những ưu điểm, thuận lợi, khó khăn, hạn chế, yếu kém, nguyên nhân.

## **III. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC DÂN TỘC TRONG TÂM 6 THÁNG (NĂM) TIẾP THEO**

**1. Kế hoạch nhiệm vụ công tác dân tộc 6 tháng cuối năm (hoặc năm sau).**

**2. Giải pháp thực hiện**

### **IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Các kiến nghị, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng, Ủy ban Dân tộc và các Bộ, ngành TW liên quan đến công tác dân tộc.

- Nơi nhận:

**TRƯỞNG PHÒNG**